

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1301/2025/DS-ST

Ngày: 29/9/2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lũy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hoàng Chinh

2. Bà Nguyễn Thị Tường Thu

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Ngọc Huệ - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân Khu
vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
1574/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1680/2025/QĐXXST-DS
ngày 14 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 2606/2025/QĐST-DS
ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH M

Trụ sở: Tầng B, số H đường C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà Ngô Nguyễn Hà Y, sinh năm 2003

Địa chỉ: Tầng A số A Đường A, khu đô thị V, phường H, Thành phố Hồ
Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đinh Ngọc H, sinh năm 1982

Địa chỉ: số nhà B Đường C, Khu phố I, phường H, Thành phố Hồ Chí
Minh.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Công ty TNHH M và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền bà Ngô Nguyễn Hà Y:

Ngày 28 tháng 9 năm 2015, Công ty TNHH Một thành viên T (nay đổi tên thành Công ty T1 (tên viết tắt SVFC) ký Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10728163 đồng ý cho ông Đinh Ngọc H vay tín chấp số tiền 43.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay 36 tháng, tháng đầu tiên thanh toán 975.000 đồng, từ tháng thứ hai đến tháng thứ ba mươi sáu mỗi tháng thanh toán 2.018.900 đồng; lãi suất 38%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Thanh toán tiền gốc và lãi vào ngày 05 hàng tháng.

Thực hiện hợp đồng, SVFC đã giải ngân đủ tiền vay cho ông H. Sau khi nhận tiền vay, từ tháng 10 năm 2015 đến tháng 11 năm 2016 ông H thanh toán số tiền 27.344.700 đồng theo đúng quy định, gồm 11.356.500 đồng tiền gốc và 15.988.200 đồng tiền lãi. Từ tháng 12 năm 2016 ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên toàn bộ số nợ được chuyển sang dư nợ quá hạn.

Ngày 09/9/2022, Công ty TNHH M (tên viết tắt VID) mua lại toàn bộ khoản nợ của ông H từ SVFC theo Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC. Ngày 12/9/2022, SVFC gửi Thông báo xử lý dư nợ của khách hàng cho ông H, thông báo về việc VID được quyền xử lý, thu hồi khoản nợ của ông H và đề nghị ông H liên hệ VID để giải quyết.

Do ông H không thực hiện nên Công ty TNHH M yêu cầu ông H thanh toán số tiền 180.323.059 đồng, trong đó nợ gốc 31.643.500 đồng, tiền lãi trong hạn (từ ngày 05/12/2016 đến ngày 05/9/2018) 20.918.928 đồng, tiền lãi quá hạn (từ ngày 05/10/2018 đến ngày 29/9/2025) 127.760.631 đồng.

Yêu cầu ông H phải tiếp tục trả lãi cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn ông Đinh Ngọc H đã được Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến đã trình bày. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ông Đinh Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền 180.323.059 đồng, trong đó tiền gốc 31.643.500 đồng, tiền lãi trong hạn 20.918.928 đồng, tiền lãi quá hạn 127.760.631 đồng và thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú tại phường H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn đã tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định. Tuy nhiên do bận công việc nên có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn, Tòa án đã xác minh về tình trạng cư trú và tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt. Xét thấy bị đơn đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa ngày 05/9/2025 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tiếp tục triệu tập họp lệ bị đơn lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định bị đơn có giao dịch vay tài sản của Công ty T1. Nguyên đơn đã mua khoản nợ của ông H theo Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC ngày 09/9/2022 nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở xem xét.

[2.1] Xét lời khai của nguyên đơn phù hợp với Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10728163 ngày 28/9/2015; Phiếu yêu cầu giải ngân ngày 25/9/2015 và Giấy nhận nợ ngày 28/9/2015 có căn cứ xác định Công ty T1 và bị đơn đã phát sinh giao dịch vay tài sản. Thực hiện hợp đồng, ngày 28 tháng 9 năm 2015 SVFC giải ngân số tiền 43.000.000 đồng cho bị đơn vay bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản của bị đơn số 203883429 tại Ngân hàng TMCP Á. Thời hạn hợp đồng là 36 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng 38%/năm và lãi suất nợ quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn.

Căn cứ lời khai của đại diện nguyên đơn phù hợp với Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC ngày 09/9/2022 cùng xác nhận ngày 09/9/2022 của SVFC về việc đã chuyển nhượng khoản nợ tại Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10728163 ngày 28/9/2015 và Thông báo V/v xử lý dư nợ của khách hàng ngày 12/9/2022 của SVFC gửi cho bị đơn có cơ sở xác định sau khi được giải ngân tiền vay thì bị đơn chỉ thực hiện thanh toán được 14 kỳ với số tiền 27.344.700 đồng, gồm 11.356.500 đồng tiền gốc và 15.988.200 đồng tiền lãi. Từ tháng 12/2016 bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên còn nợ SVFC số tiền gốc 31.643.500 đồng và tiền lãi phát sinh.

[2.2] Ngày 09/9/2022, SVFC và VID ký hợp đồng mua bán nợ đối với toàn bộ khoản nợ của bị đơn nên quyền yêu cầu đã được SVFC chuyển giao cho VID và VID trở thành bên có quyền yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bên chuyển giao quyền yêu cầu đã thông báo bằng văn bản cho ông H biết về việc chuyển giao quyền yêu cầu theo đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ chứng minh về việc đã thanh toán tiền cho nguyên đơn. Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10728163 ngày 28/9/2015 nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Ông Đinh Ngọc H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền 180.323.059 đồng, trong đó tiền gốc 31.643.500 đồng, tiền lãi trong hạn 20.918.928 đồng, tiền lãi quá hạn 127.760.631 đồng.

Về mức lãi suất: Quá trình thực hiện hợp đồng, SVFC đã áp dụng đúng mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 365; Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 3, Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH M về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Đinh Ngọc H;

Ông Đinh Ngọc H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền 180.323.059 (một trăm tám mươi triệu ba trăm hai mươi ba ngàn không trăm năm mươi chín) đồng, trong đó tiền gốc 31.643.500 đồng, tiền lãi trong hạn 20.918.928 đồng, tiền lãi quá hạn 127.760.631 đồng.

Về tiền lãi: Ông Đinh Ngọc H phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền chưa thanh toán tính từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10728163 ngày 28/9/2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đinh Ngọc H phải chịu 9.016.153 (chín triệu không trăm mười sáu ngàn một trăm năm mươi ba) đồng, nộp tại Thi hành án dân sự Thành phố H.

Công ty TNHH M được nhận lại 3.969.478 (ba triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn bốn trăm bảy mươi tám) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0043654 ngày 30/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV2-TP. HCM;
- THADS TP . HCM;
- Đường sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Hiền Lũy